

Số: ~~4800~~/QĐ-UBND

Bình Định, ngày ~~25~~ tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán
Tiểu dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ Núi Một
thuộc Dự án Quản lý thiên tai (WB5)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Hiệp định tín dụng số Cr.5139-VN ký kết ngày 13/9/2012 giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới cho Dự án “Quản lý thiên tai” (VN-Haz/WB5);

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-BNN-TCTL ngày 11/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư Quản lý thiên tai (Vn-Haz) do WB tài trợ;

Căn cứ Quyết định 2599/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Tiểu dự án Sửa chữa nâng cấp hồ Núi Một, Dự án Quản lý thiên tai (WB5) Bình Định;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 4561/TTr-SNN ngày 15/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán Tiểu dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ Núi Một thuộc Dự án Quản lý thiên tai (WB5) với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên tiểu dự án:** Sửa chữa, nâng cấp hồ Núi Một.
- 2. Thuộc dự án:** Quản lý thiên tai (WB5)
- 3. Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và PTNT.

4. Đại diện chủ đầu tư: BQL dự án Quản lý thiên tai (WB5) tỉnh Bình Định.

5. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, Cấp II.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi 3 (HEC 3)

7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi 3 (HEC 3)

8. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:

- Chủ nhiệm thiết kế: Kỹ sư Trần Đại Nghĩa, Chứng chỉ hành nghề số KS-058-00696-A, cấp ngày 31/08/2016.

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Kỹ sư Thân Văn Thảo, Chứng chỉ hành nghề số KS-04-04209-A, cấp ngày 08/05/2013.

- Chủ nhiệm khảo sát địa chất: Kỹ sư Nguyễn Sỹ Văn, Chứng chỉ hành nghề số KS-038-00768-A, cấp ngày 25/9/2011.

- Chủ trì thủy công: Kỹ sư Nguyễn Ngọc Phú, Chứng chỉ hành nghề số KS-058-00349-A, cấp ngày 03/09/2013.

- Chủ trì thủy văn: Kỹ sư Nguyễn Duy Việt, Chứng chỉ hành nghề số KS-058-00310, cấp ngày 03/04/2013.

- Chủ trì thủy nông: Kỹ sư Trần Văn Minh, Chứng chỉ hành nghề số KS-058-00273-A, cấp ngày 03/04/2012.

- Chủ trì cơ khí: Kỹ sư Đinh Ngọc Nguyên Vỹ, Chứng chỉ hành nghề số KS-058-00501, cấp ngày 06/10/2014.

- Chủ trì thi công: Kỹ sư Hoàng Gia Anh, Chứng chỉ hành nghề số KS-058-00632-A, cấp ngày 05/10/2015.

- Chủ trì dự toán: Kỹ sư Phạm Văn Trung, Chứng chỉ hành nghề số 058-0010, cấp ngày 12/11/2008.

9. Đơn vị thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng: Viện Đào tạo khoa học và ứng dụng miền Trung.

10. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

10.1. Các chỉ tiêu kỹ thuật:

- Tần suất lũ thiết kế (theo QCVN 04-05) : $P = 1\%$.

- Tần suất lũ kiểm tra (theo QCVN 04-05) : $P = 0,2\%$.

- Tần suất lũ khẩn cấp (theo TC của WB) : $P = 0,01\%$.

- Mức đảm bảo tưới : $P = 85\%$.

- Mức đảm bảo cấp nước

: P = 90%.

10.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thông số
I	Hồ chứa		
1	Diện tích lưu vực	Km ²	110
2	Tần suất đảm bảo tưới	%	85
3	Mức nước dâng bình thường	m	+46,20
4	Mức nước lũ thiết kế, kiểm tra :		
a	MN lũ thiết kế lớn nhất (P= 1%)	m	+48,81
b	MN lũ kiểm tra lớn nhất (P= 0,2%)	m	+49,60
c	Mức nước lũ cực hạn=0,01%	m	+50,39
5	Mức nước chết	m	+25,00
6	Dung tích chết V _c	10 ⁶ m ³	1,45
7	Dung tích hữu ích V _{hi}	10 ⁶ m ³	108,55
8	Dung tích toàn bộ V _h	10 ⁶ m ³	110,00
II	Đập đất		
1	Hình thức kết cấu đập đất		Đồng chất, tường nghiêng
2	Cao trình đỉnh đập đắp	m	50,50
3	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	m	51,70
4	Chiều cao đập H _{max}	m	32,5
5	Chiều dài đỉnh đập kể cả tràn	m	670
6	Chiều rộng đỉnh đập	m	5,0
7	Hệ số mái thượng lưu		3 - 3,5 - 4
8	Hệ số mái hạ lưu		2,5 - 3 - 4
9	Gia cố mái thượng lưu		Đá chít mạch
10	Gia cố mái hạ lưu		Trồng cỏ
11	Hình thức tiêu nước hạ lưu		Dải lọc cát + Đồng đá
III	Cống lấy nước (làm mới)		
1	Vị trí xây dựng		Đồi vai trái đập đất
2	Hình thức cống		Tụy nèn, tháp cống thượng lưu

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thông số
3	Khẩu diện thông thủy (Φ ; BxH)	m	1,6 x 1,8
4	Cao trình ngưỡng cống	m	21,00
5	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	8,10
6	Van điều tiết, khẩu diện		Van côn hạ lưu; Φ 1,6m
IV	Tràn xả lũ số 1 (tràn hiện tại)		
1	Hình thức tràn		Tràn mặt, cửa van cùng
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	42,70
3	Tổng bề rộng tràn nước Bt	m	18,80
4	Số khoang cửa	khoang	02
5	Khẩu diện cửa van (BxH)	m	(9,4 x 3,5)
6	Lưu lượng xả lũ		
a	<i>Lưu lượng xả lũ thiết kế mới ($Q_{1\%}$), khi có/ không xả tràn số 2</i>	m ³ /s	420 / 453
b	<i>Lưu lượng xả lũ kiểm tra mới ($Q_{0,2\%}$); khi có/ không xả tràn số 2</i>	m ³ /s	499 / 543
c	<i>Lưu lượng xả lũ cực hạn ($Q_{0,01\%}$); khi có/ không xả tràn số 2</i>	m ³ /s	639 / 718
6	Chiều dài dốc nước	m	140,50
7	Chiều rộng dốc nước	m	20
8	Độ dốc dốc nước	%	12,5
9	Nối tiếp và tiêu năng		Tiêu năng mặt mũi phun
10	Cao trình mũi phun	m	19,50
V	Tràn số 2 (làm mới)		
1	Vị trí		Bên phải tràn hiện có
2	Hình thức		Tràn tự do máng bên
3	Cao trình ngưỡng tràn	m	46,20
4	Bề rộng tràn	m	25
5	Lưu lượng xả lũ:		
a	<i>Lưu lượng xả lũ thiết kế ($Q_{1\%}$) khi xả cùng</i>	m ³ /s	136

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thông số
	<i>tràn số 1</i>		
b	<i>Lưu lượng xả lũ kiểm tra ($Q_{0,21\%}$) khi xả cùng tràn số 1</i>	-	203
c	<i>Lưu lượng xả lũ cực hạn ($Q_{0,01\%}$) khi xả cùng tràn số 1</i>	-	332
6	Chiều dài dốc nước	m	132,50
7	Chiều rộng dốc nước	m	12
8	Độ dốc dốc nước	%	15
9	Nối tiếp và tiêu năng		Tiêu năng mặt mũi phun
10	Cao trình mũi phun	m	19.50
11	Cao trình đáy hố xói dự kiến	m	14.90

10.3. Các giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Công tuyền: Xây dựng công mới dạng tuyền tại đồi phía vai trái đập đất. Hình thức chảy có áp, tháp công ở thượng lưu và van côn ở hạ lưu, lưu lượng thiết kế $8,1 \text{ m}^3/\text{s}$. Chiều dài đoạn hầm tuyền $177,4 \text{ m}$ có kính thước thông thủy $(1,6 \times 1,8) \text{ m}$. Mặt cắt gương đào $(2 \times 2,2) \text{ m}$, gương đào bên trên dạng vòm tròn bán nguyệt đường kính 2 m , bên dưới hình chữ nhật với bề rộng 2 m . Vỏ đường hầm kết cấu bê tông cốt thép.

Thành phần các hạng mục của công tuyền bao gồm :

- Kênh dẫn thượng lưu dài $L=192,2 \text{ m}$; cao độ đáy kênh $+22.50 \text{ m}$
- Tháp công cửa vào;
- Đoạn tuyền;
- Cửa ra và hầm van côn điều tiết;
- Kênh dẫn hạ lưu nối với kênh chính hiện tại;

b) Tràn số 1: Qua khảo sát kiểm tra tràn số 1 ổn định không sửa chữa; chỉ gia cố kè hố xói để bảo vệ chân đập phía tả hạ lưu.

c) Tràn số 2: Xây dựng mới tràn số 2 tại vị trí bên trái tràn hiện tại, kiểu máng bên, khẩu độ 25 m , lưu lượng thiết kế $136 \text{ m}^3/\text{s}$ nhằm gia tăng lưu lượng tiêu thoát lũ, đảm bảo an toàn hồ chứa. Cao trình ngưỡng tràn : $+46.20 \text{ m}$ (bằng mực nước dâng bình thường), nối tiếp sau tràn là dốc nước, tiêu năng hạ lưu tràn dạng mũi phun. Tràn có kết cấu bê tông cốt thép.

d) Nhà quản lý: Sửa chữa nâng cấp nhà quản lý hiện có, mua sắm trang thiết bị đồng bộ với hệ thống quản lý vận hành.

- Diện tích khuôn viên đất xây dựng nhà quản lý: $20 \times 30 = 600 \text{ m}^2$.

- Diện tích xây dựng: $(19,5 \times 9,6) = 187,2 \text{ m}^2$.

- Nhà cấp IV, 01 tầng.

e) Thiết bị quan trắc và giám sát: Bố trí các thiết bị quan trắc và giám sát cụm công trình đầu mối, bao gồm:

- Thiết bị đo tự động đường bão hòa trong thân đập;
- Đo mực nước thượng lưu đập, mực nước sau cống;
- 02 trạm đo mưa tự động trong lòng hồ;
- 02 camera giám sát tràn và 01 camera giám sát đập;
- Thiết bị đo độ mở cửa tràn số 1 và van côn cống;
- Thiết bị văn phòng và phần mềm quản lý, giám sát, dự báo lũ;

g) Hoàn thiện cống cũ: Sau khi tunnel được xây dựng xong, chạy thử và nghiệm thu thì hoàn thiện cống cũ bằng biện pháp bơm vữa bê tông lấp đầy cống cũ và hành lang kiểm tra.

11. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 71.311.533.000 đồng.

(Bảy mươi một tỷ, ba trăm mười một triệu, năm trăm ba mươi ba ngàn đồng), trong đó vốn vay WB 67.185.729.000 đồng, vốn đối ứng 4.125.804.000 đồng. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Tổng	Phân theo nguồn vốn	
			ODA	Đối ứng
1	Chi phí xây dựng	50.204.719.000	50.204.719.000	
2	Chi phí thiết bị	5.887.235.000	5.887.235.000	
3	Quản lý dự án	1.011.861.000	303.558.000	708.303.000
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	7.408.696.000	5.563.401.000	1.845.295.000
5	Chi phí khác	3.403.235.000	2.027.496.000	1.375.739.000
6	Chi phí dự phòng	3.395.787.000	3.199.320.000	196.467.000
	Tổng cộng:	71.311.533.000	67.185.729.000	4.125.804.000

12. Thời hạn sử dụng công trình:

12.1. Thời hạn sử dụng hạng mục tunnel, tràn xả lũ số 2: 50 năm.

12.2. Thời hạn sử dụng hạng mục đập đất và tràn xả lũ số 1: 34 năm.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay Ngân hàng Thế giới và vốn đối ứng Ngân sách địa phương.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2015 đến năm 2018.

16. Phương thức thực hiện dự án: Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành.

17. Tổ chức thực hiện: Theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Ngân hàng Thế giới.

Điều 2. Giao Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và nhà tài trợ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban quản lý Dự án Quản lý thiên tai (WB5) tỉnh Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K13 (12b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

